TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 629/2019/HC-PT Ngày: 10 - 9 - 2019 V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Minh

Bà Phạm Thị Duyên

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa**:* Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2019/TLPT-HC ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư".

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 40/2018/HC-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1981/2019/QĐ - PT ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện***:** Bà Lê Thị D (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P1, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Khả Đ (có mặt)

Địa chỉ: Số 02 dãy B, đường 30/4, phường H, quận N, thành phố cần Thơ. (theo Giấy ủy quyền ngày 05/7/2018)

- *Người bị kiện***:**

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tiến C - Chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T - Chức vụ: Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang (có mặt)

Địa chỉ: Số 02, đường H, phường V, thành phố V1, tỉnh Hậu Giang, (theo Công văn ủy quyền số 3156/UBND-TCD ngày 10/8/2018)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Lê Quốc V (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Số 03, đường X, phường X5, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2/ Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang

3/ Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tống Hoàng K - Chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T1 - Chức vụ: Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện C (có mặt).

Địa chỉ: Tỉnh lộ 925, ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang,(theo Công văn ủy quyền số 4747/GUQ-UBND ngày 26/10/2018).

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Lê Thị D là ông Lê Khả Đ trình bày: Năm 2015, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Hậu Giang phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2015 huyện C, trong đó có dự án Cụm dân cư vượt lũ xã P (nay là xã P) huyện C, tỉnh Hậu Giang. Theo Thông báo thu hồi đất số 119/TB-UBND (nay gọi tắt là Thông báo số 119) ngày 09/6/2015 của Uỷ ban nhân dân huyện C, thì bà Lê Thị D bị ảnh hưởng dự án phần đất diện tích 794,1 m^2. Đến ngày 23/11/2015 Uỷ ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 3856/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định số 3856) ngày 23/11/2015 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Ông Đ cho rằng Quyết định số 3856 của Uỷ ban nhân dân huyện C căn cứ vào Điểm a Khoản 2 Điều 5 của Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 12/02/2015 của UBND tỉnh Hậu Giang, để làm căn cứ không bồi thường 340 cây Cam Sành loại B cho bà D là không đúng, vì Thông báo thu hồi đất số 119 chỉ thu hồi phần đất của bà D là 794, l m^2 nhưng khi Uỷ ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định thu hồi đất số 3852/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định số 3852) thì lại thu hồi phần đất diện tích 1,565m^2. Trong trường hợp (nếu bà D có nhận được thông báo thu hồi đất) thì những cây Cam Sành trồng trên diện tích 794,l m^2 đất đã có Thông báo thu hồi đất thì Uỷ ban nhân dân huyện C không bồi thường cho bà D là đúng. Còn số lượng cây Cam Sành còn lại cây được xác định nằm trên phần đất ngoài phần diện tích 794, l m^2 là chưa có thông báo thu hồi đất, nên không thể đưa toàn bộ số cây vào 340 cây Cam Sành khi kiểm kê vào phần diện tích 794, l m^2 đất và cho rằng đã có Thông báo thu hồi đất để không bồi thường, do đó Quyết định số 3852 là không đúng quy định của pháp luật.

Biên bản kiểm kê ngày 29/7/2015 thì mẫu biên bản kiểm kê không đúng

quy định và kiểm kê cây trồng trên diện tích 1.565m^2 đất là vượt quá diện tích đất trong Thông báo thu hồi đất số 119. Theo quy định của Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 30/01/2013 của UBND tỉnh Hậu Giang, thì tại mục IV (cây trồng hoa màu) cột thứ 02 ghi "Tên loại cây trồng, hoa màu". Như vậy theo quy định mẫu của Biên bản này Biên bản kiểm kê nêu trên chỉ được ghi tên loại cây trồng "Cam Sành" là đủ, nhưng tổ kiểm kê lại ghi vào mục này là "mới trồng (còn héo)" là không đúng mẫu quy định. Trong trường hợp này cần phải trưng cầu cơ quan chuyên môn có thẩm quyền thẩm định, kết luận nguyên nhân cây trồng héo lá là do trồng hay là do ngập ủng nước mà héo lá hay do nguyên nhân khác. Ngoài biên bản này, không còn chứng cứ nào khác chứng minh bà D trồng 340 cây Cam Sành sau ngày 27/7/2015, cũng không có biên bản nào xử lý việc bà D có trồng thêm cây trồng sau khi thông báo thu hồi đất.

Biên bản kiểm kê ngày 27/7/2015, kiểm kê hiện trạng đất của ông Lê Thanh L có 249 cây Cam Sành trồng sau khi công bố quy hoạch để làm căn cứ không bồi thường 340 cây Cam Sành loại B cho bà D là không hợp pháp. Biên bản ngày 27/7/2017 thể hiện đối tượng kiểm tra là ông Lê Thanh L, không kiểm tra trên đất của bà Lê Thị D. Ông Lê Thanh L có phần đất bị thu hồi cập ranh đất của bà D, ông L cũng không được bồi thường 309 cây Cam Sành loại B có liên quan đên 294 cây trồng nêu trên.

Do không đồng ý với quyết định số 3856 nên bà D khiếu nại đến Uỷ ban nhân dân huyện C, ngày 03/01/2017 Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 08/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định số 08) về việc giải quyết khiếu nại của bà D với nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà. Quyết định số 08 ban hành không đúng thẩm quyền giải quyết khiếu nại vì quyết định phê duyệt phương án bồi thường là của Uỷ ban nhân dân huyện C, nên khi ban hành quyết định giải quyết khiếu nại thì Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện phải ký thay mặt Uỷ ban nhân dân huyện C, trong trường hợp này Phó Chủ tịch ký thay Chủ tịch (với tư cách cá nhân) là không đúng quy định của pháp luật. Do Quyết định số 08 không đúng quy định của pháp luật nhưng Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 1366/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1366) ngày 14/8/2017 về việc giải quyết khiếu nại lần 2, với nội dung giữ nguyên Quyết định số 08, nên Quyết định này cũng không đúng quy định của pháp luật. Nay bà Lê Thị D yêu cầu huỷ một phần Quyết định số 3856 ngày 23/11/2015 của Uỷ ban nhân dân huyện C, phần liên quan đến bà Lê Thị D; huỷ Quyết định số 08 ngày 03/01/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện C và huỷ Quyết định số 1366 ngày 14/8/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Uỷ ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện C là ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Uỷ ban nhân dân huyện C căn cứ vào Luật đất đai năm 2013, Nghị định 43 ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, Nghị định 44 ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Nghị định 47 ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Nghị định số 01 ngày 06/01/2017 của Chính phủ, Thông tư 37 ngày 30/6/2014, Thông tư 30 ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, thì trình tự, thủ tục thu hồi đất hộ bà Lê

Thị D là đúng với quy định của pháp luật.

Về quyết định giải quyết khiếu nại số 08 ngày 03/01/2017 Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện C: Căn cứ theo Khoản 2 Điều 37 của Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định số 39) ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Hậu Giang, thì UBND cấp xã xác nhận những thông tin liên quan đến nguồn gốc sử dụng đất, tài sản, đối tượng hỗ trợ, tái định cư và các thông tin khác có liên quan khi tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường. Theo báo cáo số 335/BC-UBND (sau đây gọi tắt là Báo cáo số 335) ngày 14/02/2016, UBND xã P đã xác nhận là 340 cây Cam Sành loại B (héo lá) của bà D là trồng sau ngày có thông báo thu hồi đất. Do đó căn cứ vào Điểm a Khoản 7 Điều 5 cua Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 12/02/2015 của UBND tỉnh Hậu Giang. Đối chiếu theo quy định thì 340 cây Cam Sành loại B của bà D không đủ điều kiện được bồi thường, hồ trợ.

Do đó, Uỷ ban nhân dân huyện C, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định 3856 ngày 23/11/2015, phần liên quan đến bà Lê Thị D và yêu cầu hủy Quyết định số 08 ngày 03/01/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện C.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về trình tự thủ tục thực hiện dự án Cụm dân cư vượt lũ xã P: Căn cứ thu hồi đất thực hiện dự án theo đúng Điều 63 của Luật đất đai năm 2013. Trình tự thủ tục đúng theo quy định tại Điều 69 của Luật đất đai năm 2013.

Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại: Đúng thẩm quyền theo khoản 2 Điều 21 của Luật khiếu nại năm 2011.

Về pháp luật giải quyết khiếu nại: Căn cứ theo khoản 2 Điều 37 của Quyết định số 39 ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Hậu Giang, thì UBND cấp xã xác nhận những thông tin liên quan đến nguồn gốc sử dụng đất, tài sản, đối tượng hỗ trợ, tái định cư và các thông tin khác có liên quan khi tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường. Theo báo cáo số 335 ngày 14/02/2016, UBND xã P đã xác nhận là 340 cây Cam Sành loại B (héo lá) của bà D là trồng sau ngày có thông báo thu hồi đất. Do đó căn cứ vào Điểm a Khoản 7 Điều 5 của Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 12/02/2015 của UBND tỉnh Hậu Giang. Đối chiếu theo quy định thi 340 cây Cam Sành loại B của bà D không đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ. Vì vậy, Quyết định số 08 ngày 03/01/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện C đã giải quyết khiếu nại đúng quy định của pháp luật, nên Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại trên của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện C là có căn cứ.

Do đó, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định 3856 ngày 23/11/2015, phần liên quan đến bà Lê Thị D; hủy Quyết định số 08 ngày 03/01/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện C và hủy Quyết định số 1366 ngày 14/8/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang là ông Lê Quốc V trình bày: Về việc thông báo thu hồi đất do UBND trích trên sơ đồ, chưa xác định diện tích cụ thể là bao nhiêu, sau khi kiểm kê thì mới có diện tích chính xác, thì UBND ra quyết định thu hồi đất nên số liệu có sự chênh lệch.

Về kiểm kê bồi thường thì căn cứ vào Luật đất đai năm 2013, quy định hiện hành không có quy định về mẫu biểu, Quyết định số 02 ngày 30/01/2013 đã hết hiệu lực ngày 01/7/2014, nên UBND mới sử dụng mẫu cũ để thực hiện kiểm kê.

Căn cứ vào đơn khiếu nại thì bà D lại cho rằng bà trồng vào khoảng năm 2012 -2013, Biên bản ngày 29/10/2015, xác minh lại hoa màu của bà D và ông Lê Thanh L. Theo Báo cáo số 335 ngày 14/02/2016, UBND xã P đã xác nhận là 340 cây Cam Sành loại B (héo lá) của bà D là trồng sau ngày có thông báo thu hồi đất. Do đó căn cứ vào điểm a Khoản 7 Điều 5 của Quyết định số 07 ngày 12/02/2015 của UBND tỉnh Hậu Giang, thì bà D không đủ điều kiện để được bồi thường 340 cây Cam Sành.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 40/2018/HC-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử:

Căn cứ: Điều 30, khoản 3, khoản 4 Điều 32, Điều 115, Điều 116, Điều 118, Điều 119, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348 của Luật tố tụng hành chính 2015.

Căn cứ vào Điều 66, Điều 67, Điều 68, Điều 69 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 36, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41 của Luật khiếu nại năm 2011;

Khoản 1 Điều 28 của Nghị định 47/2017/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Điểm a khoản 7 Điều 5 của Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 12/02/2015 của UBND tỉnh Hậu Giang;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ nhí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D về việc yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 3856/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của Uỷ ban nhân dân huyện C, phần liên quan đến bà Lê Thị D, cụ thể là phần yêu cầu bồi thường 340 cây Cam Sành loại B (héo lá) của bà D;

Huỷ toàn bộ Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 03/01/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện C và huỷ toàn bộ Quyết định số 1366/QĐ- UBND ngày 14/8/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Ngoài ra bản án hành chính sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 27/11/2018, người bị kiện Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang có đơn kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Lê Thị D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang có ông Nguyễn Văn T đại diện trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa quyết định của bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D. Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Uỷ ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện C giữ nguyên quyết định bị kiện, căn cứ biên bản của xã lập ngày 27/7/2015 xác nhận bà D trồng 340 cây cam loại B sau ngày công bố thông báo thu hồi đất.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu hủy một phần quyết định số 3856 về phê duyệt phương án bồi thường liên quan đến bà Lê Thị D. Bởi lẽ, trình tự thủ tục về việc lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà D không đúng quy định của pháp luật, như thông báo thu hồi đất diện tích 794, l m^2, nhưng lại không bồi thường trên diện tích 1.565m^2. Mặc khác khi lập biên bản vi phạm nhưng lại do ông L ký tên, giữa ông L và bà D chưa có văn bản nào xác nhận biên bản ông L ký tên vi phạm là 340 cây cam loại B mới trồng là do bà D trồng. Từ đó, người khởi kiện yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử bác yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên quyết định bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tinh Hậu Giang bảo lưu quan điểm giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tinh Hậu Giang, căn cứ Quyết định số 39 và Quyết định số 07 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang thì bà D không đủ điều kiện để được bồi thường 340 cây cam loại B, do cây trồng hình thành sau ngày thông báo thu hồi đất. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, sửa toàn bộ quyết định bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Lê Thị D.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hô Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến;

- Về trình tự thủ tục tố tụng của Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng, và những người tham gia tố tụng, đã tuân thủ đúng trình tự quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung giải quyết vụ án vị kiểm sát viên cũng phân tích toàn bộ các chứng cứ có thê hiện trong hồ sơ vụ án, xét yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, vị kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm

của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự cũng không có cung cấp hay bổ sung thêm chứng cứ gì mới, và cũng không có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án cũng như qua thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của các đương sự và ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Bà Lê Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang hủy một phần Quyết định 3856/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của Uỷ ban nhân dân huyện C, phần liên quan đến bà Lê Thị D; Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 03/01/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện C và Quyết định số 1366/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang. Lý do khởi kiện, khi thu hồi đất của bà nhưng Ủy ban nhân dân huyện C không bồi thường 340 cây Cam Sành loại B cho bà D làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà.

Người bị kiện cho rằng các quyết định bị kiện được ban hành đúng quy định pháp luật nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện.

[3] Xét kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang:

- Về tố tụng**:** Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng theo trình tự thủ tục của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung**:** Xét yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, Hội đồng xét xử xét thấy phần đất bị thu hồi của bà Lê Thị D là do được nhận tặng cho từ ông Lê Thanh Hồng vào năm 2008, tại thửa 1096, tờ bản đồ số 10B, tọa lạc tại ấp P, xã P (nay là xã P), huyện C, tỉnh Hậu Giang. Ngày 09/6/2015, Uỷ ban nhân dân huyện C ban hành Thông báo thu hồi đất số 119 về việc thu hồi phần đất của bà D diện tích là 794, l m^2, sau đó Trung tâm phát triển quỹ đất cùng các cơ quan chuyên môn tiến hành đo đạc, kiểm kê hiện trạng phân đất của bà D để xác định cụ thể cây trồng, vật kiến trúc trên đất và diện tích đất bị thu hồi trên phần đất diện tích 1.565m^2.

Ngày 23/11/2015 Uỷ ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định thu hồi đất số 3852 bà D bị thu hồi phần đất diện tích 1.565m^2 và Quyết định phê duyệt số 3856 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Đến ngày 02/8/2017 Uỷ ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 2373/QĐ-UBND để sửa đổi, bổ sung diện tích thu hồi đối với thông báo thu hồi đất số 119 từ 794,l m^2 thành 1.565m^2.

Sau khi có quyết định thu hồi đất Uỷ ban tiến hành kiểm kê tài sản trên đất, căn cứ biên bản kiểm kê ngày 29/7/2015 xác định trên đất của bà D có 340 cây cam loại B mới trồng héo lá không được bồi thường, Uỷ ban cho rằng bà D trồng 340 cây cam sau ngày 27/7/2015 tức ngày Uỷ ban nhân dân xã P lập biên bản vi phạm đối với ông L, bà D thì cho rằng bà trồng năm 2006 cây héo lá là do Uỷ ban nhân dân xã P xây dựng trụ sở không có đường dẫn nước vào nên cây héo lá.

Đối với ý kiến của bà D và của Uỷ ban nhân dân huyện C Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào biên bản của Uỷ ban nhân dân xã P lập vi phạm đối với ông L về việc trồng 294 cây cam sau ngày có thông báo thu hồi đất, việc Uỷ ban căn cứ vào biên bản vi phạm của ông L để xác định 340 cây cam của bà D mới trồng sau ngày có thông báo thu hồi đất là chưa có căn cứ. Bởi lẽ theo hồ sơ thể hiện ông L cũng có 309 cây cam loại B héo lá không được bồi thường trên phần đất của ông bị thu hồi cũng theo biên bản vi phạm của xã lập ngày 27/7/2015 đối với ông L, mặc khác sau khi có biên bản ngày 27/7/2015 của Uỷ ban nhân dân xã P chưa có biên bản nào giữa bà D và ông L xác nhận biên bản mà ông L ký xác nhận vi phạm 294 cây cam này là của bà D trồng.

Do Uỷ ban nhân dân huyện C chưa xác minh làm rõ vi phạm của bà D có việc trồng 340 cây cam này sau ngày 27/7/2015 tức sau ngày có thông báo thu hồi đất và trồng trên diện tích đã có thông báo thu hồi đất, nhưng đã không bồi thường cho bà D là chưa có căn cứ rõ ràng, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà D.

Từ những cơ sở trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, đề nghị sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Lê Thị D, nhưng người bị kiện Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang cũng không có cung cấp hay bổ sung thêm tình tiết chứng cứ nào mới để làm cơ sở cho việc yêu cầu kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Về án phí phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang. Giữ nguyên bản án án hành chính sơ thẩm số: 40/2018/HC-ST ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ: Điều 30, khoản 3, khoản 4 Điều 32, Điều 115, Điều 116, Điều 118, Điều 119, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348 của

Luật tố tụng hành chính 2015.

Căn cứ vào Điều 66, Điều 67, Điều 68, Điều 69 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31,Điều 32, Điều 36, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 4] của Luật khiếu nại năm 2011;

Khoản 1 Điều 28 của Nghị định 47/2017/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Điểm a khoản 7 Điều 5 của Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 12/02/2015 của UBND tỉnh Hậu Giang;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D về việc yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 3856/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của Uỷ ban nhân dân huyện C, phần liên quan đến bà Lê Thị D, cụ thể là phần yêu cầu bồi thường 340 cây Cam Sành loại B (héo lá) của bà D; huỷ toàn bộ Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 03/01/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện C và huỷ toàn bộ Quyết định số 1366/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

2/ Về án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang phải chịu, khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018988 ngày 29/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo,kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- NKK (1);
- NBK (3);
- Lưu (10) 19b (Án39).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Mười